

DUY-MA KINH LƯỢC SỚ

QUYỂN 3

PHẨM: PHƯƠNG TIỆN

(Phần 1)

Phẩm này ở sau phẩm Phật Quốc, tức là nói pháp hữu vi duyên tập hiển bày pháp thân bất tư nghị giúp thành giáo Như Lai tịnh quốc. Ý Phật rất nhiều, nay tóm có ba phần:

- I. Nói phẩm này tiếp sau phẩm Phật Quốc.
- II. Giải thích nghĩa phương tiện.
- III. Giải thích văn.

I. PHẨM NÀY TIẾP SAU PHẨM PHẬT QUỐC.

Trước đối với Phổ Tập đã nói về thể chân tánh giải thoát, sau đối kinh này mà triển khai cái tông chỉ nhân quả Phật quốc, vì người chưa hiểu ắt cần có bậc Bồ-tát cao cấp mở bày. Nay ngài Tịnh Danh trụ ở quyền mưu bất tư nghị giải thoát nên thường giúp Phật để chiết phục và nhiếp thọ những người có cơ duyên khiến họ lìa bỏ các duyên tập mà thành tựu được giải thoát bất tư nghị. Nếu hạnh Tịnh độ đã thuần thực thì tùy nghiệp mà sinh về, mỗi người ở cõi ấy nghe pháp được điều phục vào Phật tuệ mà khởi căn.

Hỏi: Phổ tập thì chân tánh là theo thể của kinh ấy sao lại dùng làm thể cho kinh này?

Đáp: Chân tánh giải thoát là thể chung của các kinh, lẽ nào không gần gũi làm thể cho kinh này? Chẳng qua văn ở phẩm Phật Quốc chưa nói đến, từ đây trở đi nơi nào cũng nói, đều không trái với lời nói trước, cho nên được làm thể cho kinh này.

II. GIẢI NGHĨA PHƯƠNG TIỆN Có năm phần:

1. Lược giải tên.
2. Căn cứ theo giáo có đồng dị.

3. Phép dùng phương tiện.
4. Căn cứ ba nghiệp nói cách dùng.
5. Căn cứ quán tâm.

Lược giải tên phương tiện: Phương là cách riêng của trí, tiện là công năng khéo léo của cách dùng. Dùng các pháp tùy cơ để lợi vật nên nói là Phương tiện. Nên văn kinh nói: “Bồ tát lấy Trí độ làm mẹ, Phương tiện thiện quyền làm cha.” Phương tiện có ba, tức ba thứ hai trí: Một là, giáo tha; hai là, tự hành và hóa tha; ba là, tự hành, “có đầy đủ trong Huyền nghĩa.

Nói về dị đồng: tức xét theo bốn giáo.

a) Phật Tam tạng giáo, với ba thứ hai trí

- Tỳ-đàm hữu môn, chiếu sự thì vô thường, khổ... gọi là quyền trí, chiếu lý thì vô thường, khổ... gọi là thật trí. Thành thật không môn cho Sự lý của Tỳ-đàm đều là quyền trí, chiếu lý để không mới là thật trí. Như thế bốn môn, bốn Tất-đàn phó duyên nói các thứ hai trí đều là hóa tha.

- Hai trí quyền thật của tự hành hóa tha: Phật dùng bốn Tất-đàn nói các thứ quyền thật của bốn môn trên, tùy ý và lời của người khác đều là quyền trí hóa tha. Khi ngồi đạo tràng chứng lý hai để không thể tuyên nói tức là thật trí tự hành.

Hai trí quyền thật của tự hành: Khi ngồi đạo tràng chứng trí tục để rất ráo rõ ràng, các pháp chướng đều dứt hết, nên gọi là quyền trí tự hành. Khi chứng lý chân đế rất ráo phân minh chánh tập khí đều dứt, gọi là thật trí tự hành.

b) Ba thứ hai trí của Phật thông giáo:

- Nếu dùng Tất-đàn mà nói về ba thứ hai trí của Tam tạng giáo và hữu môn của đương giáo, thì nếu chiếu về sự huyễn hóa đều gọi là quyền trí, còn chiếu về lý huyễn hóa gọi là thật trí. Nếu không môn mà nói nghĩa chiếu huyễn hóa, thì sự lý đều là quyền trí, còn chiếu huyễn hóa lý Không tức là thật trí. Cho đến bốn môn các thứ quyền thật đều là hai trí quyền thật hóa tha.

- Hai trí tự hành hóa tha tức gồm chung Tam tạng giáo trước và đương giáo nói các thứ quyền thật đều là tùy ý và lời người khác, đều thuộc về hóa tha quyền trí, còn Phật và Bát địa nội tâm được chứng đều gọi là thật trí.

- Hai trí tự hành: Phật và địa thứ tám chiếu lý chân tục tức là hai trí quyền thật.

b. Ba thứ hai trí của Phật Biệt giáo:

- Chung cả ba thứ hai trí Tạng Thông trước và đương giáo “Biệt giáo) là đối hữu môn phân biệt sự tướng đều là quyền trí, nếu chiếu lý Như Lai tạng thì gọi là thật trí. Nếu không môn mà chiếu sự lý hữu môn thì gọi là quyền trí. Còn hữu môn quyền thật rốt ráo đều không tịch thì gọi là thật trí tự hành.

- Hai trí quyền thật của tự hành hóa tha: gồm chung hai giáo trên và bốn môn của đương giáo đều là tùy người khác nên gọi là quyền trí, hóa tha còn lý nội chứng của Phật và Địa thứ mười thì gọi là thật trí tự hành.

- Hai trí quyền thật của tự hành. Phật và địa thứ mười với nội chứng lý chân tục bất khả thuyết, thì gọi là quyền thật hai trí.

d/ Ba thứ hai trí của Phật viên giáo: gồm ba giáo trước và đương giáo “viên giáo) là đối hữu môn không đoạn dứt phiền não, chiếu pháp nội ngoại giới giới các thứ pháp môn, thì gọi là quyền trí, còn không đoạn dứt phiền não mà chiếu tự tánh tâm thanh tịnh thì tức là thật trí.

Từ không môn, của Viên giáo không đoạn phiền não mà chiếu sự lý về hữu của nội ngoại giới gọi là quyền trí, còn chiếu sự lý đều không, gọi là thật trí. Như thế... bốn môn dụng bốn Tất-đàn mà nói các thứ hai trí, đều gọi là hai trí hóa tha .

- Hai trí của tự hành hóa tha: các thứ hai trí của ba giáo trước và Viên giáo đây đều là tùy người khác, đều là quyền trí hóa tha. Phật và bốn mươi một tâm chứng lý hai đế bất tư nghị đều gọi là thật trí.

- Hai trí của tự hành Phật và bốn mươi một tâm nội chứng lý hai đế bất tư nghị, gọi là quyền thật hai trí. Thế nên ngài Văn-thù thỉnh ngài Tịnh Danh nói nhập pháp môn Bất nhị thì ngài Tịnh Danh lặng yên. Ngài Văn-thù khen ngợi là ý ở đây vậy.

Phép dùng Phương tiện: Luận đến các pháp Không phải quyền không phải thật mà nói quyền thật, đều là bốn Tất-đàn khéo léo lợi vật. Đây là Phương đẳng Đại thừa dùng một âm diễn nói tùy cơ cảm được bốn thứ không đồng. Lại phẩm này chính nói giúp Phật mở bày quyền mưu khéo léo tùy cơ lợi vật, khiến họ vào tuệ mà khởi căn, nên gọi là Phương tiện.

Kinh Anh Lạc nói có ba pháp dùng:

- a. Phá pháp.
- b. Lập pháp.
- c. Giáo hóa chúng sinh.

Nay căn cứ kinh này mà luận xa. Ngoài thất là chiết phục là phương tiện phá người khác chấp pháp. Trong thất là nhiếp thọ tức là phương

tiện dẫn người khác lập pháp. Dùng chiết phục và nhiếp thọ khiến pháp được lâu dài. Hai thứ trước cũng là phương tiện giáo hóa chúng sinh. Nếu căn cứ kinh này mà luận gần, thì phẩm này chê trách các người tức là phá pháp để chiết phục, khuyên họ cầu thân Phật tức là lập pháp để nhiếp thọ, vì chiết và nhiếp nên khiến pháp được lâu dài. Pháp được lâu dài tức là khiến chúng sinh vào chân tánh giải thoát cõi Phật thanh tịnh. Cho nên các phẩm Trung Luận đều nói phá tức là phá pháp, Tứ đế phẩm sau thì nói Tứ đế Tam bảo, bốn quả Sa-môn tức là lập pháp. Lại bài kệ kết nói “pháp do nhân duyên sinh ta nói tức là Không, là phá pháp mà chiết phục vậy, cũng gọi là giả danh lập pháp mà nhiếp thọ. Cũng là nghĩa Trung đạo mà giáo hóa chúng sinh khiến pháp được lâu dài. Pháp trụ lâu dài khiến thấy Phật tánh trụ vào Đại Niết-bàn. Nên ba phẩm trước nói rằng: Tùy phương tiện mà có thể thành tựu chúng sinh, tùy thành tựu chúng sinh thì cõi Phật tịnh. Nên biết khen tịnh gọi là phương tiện, là chánh thức khen việc giúp Phật mở bày giáo Phật quốc giải thoát bất tư nghị.

Căn cứ ba nghiệp nói cách dùng, lý do đã rõ, ba nghiệp của chư Phật, Bồ-tát thanh tịnh, tánh như hư không, không phải một không phải khác, không thể phân biệt. Vì hóa độ chúng sinh mà từ bi thế nguyện thần thông cảm ứng, ứng hiện mười pháp giới, hiện ra các thứ thân nghiệp bất khả thuyết để lợi vật khắp mười phương. Đã là thân mật phương tiện hiện bày. Lại dùng Bi thế thần thông ứng hóa hiện đồng mười giới, có bao nhiêu loại âm thanh khắp mười phương cõi Phật, để chỉ bày các thứ pháp bất khả thuyết đó là khẩu mật phương tiện làm lợi ích, lại dùng Bi thế thần thông ứng hóa, hiện tâm mười giới, ở khắp mười phương cõi Phật hiện ra tâm thức, các thứ phân biệt bất khả thuyết, tức là tâm mật phương tiện làm lợi ích. Tạng Thông giáo chỉ nói ba nghiệp thần thông. Biệt viên giáo có pháp thân ứng hiện ba nghiệp, cũng gọi là ba nghiệp thần thông biến hóa. Cho nên ước vào ba nghiệp để nói phương tiện. Phẩm này nói Lục độ nhiếp vật tức là tâm mật phương tiện. Vì hàng bạch y cư sĩ... mà thị hiện các thứ thân, tức là thân mật phương tiện. Ai thấy đều kính trọng giả bệnh để hoằng hóa nói các thứ pháp tức là khẩu mật phương tiện. Cả ba nghiệp phương tiện này lợi vật cùng khắp, khó lường biết được nguồn gốc. Đó là tam mật, cũng gọi là tam luân hóa bất tư nghị, là tam vô thất, tam bất hộ, ba nghiệp làm theo trí tuệ, khéo dùng ba nghiệp pháp thân hóa vật không lầm lỗi, không mưu tính, không nghĩ ngợi, vắng bật mà thường dùng, ứng hiện ở bốn cõi, hiện bày thân, khẩu, ý để chiết phục nhiếp và thọ lợi ích khắp chúng sinh.

Cho nên ở phương trượng không bệnh tật mà thị hiện có bệnh tật. Nhân đó mà khai ngộ, khiến tất cả vượt bỏ các duyên tập, đồng ở trong nhà trống. Từ đó mà nêu tên gọi là phẩm Phương Tiện.

Xét theo Quán tâm. Nếu ba quán Biệt tướng thì hai thứ trước làm phương tiện, nếu nhập vào Trung đạo, tức là thật tuệ. Đầu tiên từ giả nhập không là nghĩa phá pháp chiết phục. Kế đó là từ không vào Giả là lập pháp nhiếp thọ. Chánh quán Trung đạo tức là giáo hóa chúng sinh vào thật tuệ, nhập thật tuệ gọi là pháp lâu dài. Pháp được lâu dài thì pháp thân thường hiện hữu. Nếu một tâm ba quán thì phương tiện thật tuệ không một không khác, dùng ba quán trải khắp ba nghiệp, nói phương tiện khéo dùng, ý có thể biết được.

Hỏi: Phẩm này nhất định do ai nói?

Đáp: Có ba cách giải thích: Có người nói là người kiết tập kinh, khen đức của ngài Tịnh Danh, vì người thăm bệnh mà nói pháp như thế. Có người nói: Trước là người kiết tập kinh khen đức, kế nói pháp là Bảo Tích hướng về Phật kể việc ngài Tịnh Danh có bệnh nên không đến được, vì người người thăm bệnh mà nói pháp như thế. Có người nói là Đức Phật cùng khen việc ngài Tịnh Danh có phương tiện này để nói pháp lợi ích chúng sinh. Nay e là Phật nói. Kinh Phổ Tập và phẩm Phật Quốc đều có ý nói ngài Tịnh Danh giúp Phật hoằng hóa, có lời khen ngợi ngài Tịnh Danh biết trước nên phương tiện giả bệnh để nói pháp cho những người đến thăm bệnh. Ngài A-nan vốn đã xin Phật nói lại những kinh nào ngài chưa nghe, nên khi kiết tập kinh, sau Phẩm Phật Quốc thì ngài đọc lại. Trong sáu phẩm Nhập Thất nói ngài A-nan có mặt ở Am-la viên và đều phó chúc cho ngài A-nan, cũng là Phật nói lại cả.

III. GIẢI THÍCH VĂN KINH: Ngài Tịnh Danh giúp Phật hoằng hóa có chín phẩm, đại loại có hai phần lớn:

1. Nửa phẩm khen đức, chính là dùng thân làm phương tiện.
2. Từ hiện thân có bệnh trở đi là nói phương tiện lợi ích về tiếng và lợi ích của thân và tiếng hỗ trợ nhau.

Lại có hai phần chánh phụ khác nhau.

Ích lợi của thân, tức là dùng tiếng để truyền bá nói nghiệp. Vì sao? Vì cõi này dùng âm thanh để làm Phật sự, nên ích lợi của tiếng là chánh. Phần này có hai: Một là khen đức Hai là ích lợi của thân.

Phần khen đức có hai:

1. Nói chỗ ở và người.

2. Chính khen đức.

1. Nói chỗ ở và người. Về “thành” trước đã giải thích. Trưởng giả là người có đức độ của bậc Trưởng thượng. Nhưng nói tên người và chỗ ở là có chủ ý. Vì Tịnh Danh và Bảo Tích cùng ở tại thành này vốn là pháp hữu, chỉ riêng Bảo Tích đến, Tịnh Danh không đến là vì có bệnh. Nhân có bệnh nên đến thăm hỏi, nhân hỏi mà thừa dịp nói pháp. Người đã có thăm hỏi Phật đồng thói tục há không thăm hỏi ư, chỉ vì các học trò được sai thăm hỏi có kham hay không. Không kham như năm trăm trưởng giả tử và tám ngàn Bồ-tát, mỗi vị thuật lại việc chê trách xưa của ngài Tịnh Danh mà khen đức ngài, lại cũng khiến chúng hiện tại được lợi ích vì những lời chê trách ấy. Đây là có ngấm ý, không phải tất cả đều không kham mà có người kham được là ngài Văn-thù. Ngài vâng lệnh Phật vào thất ngài Tịnh Danh để đối đáp tuyên bày về đạo giải thoát và số người cùng theo ngài đến thăm bệnh đều được lợi ích. Ấy là ngài Tịnh Danh phó duyên rộng bày đại pháp, giúp thành công việc nói nhân quả Phật quốc.

Duy-ma, như trước đã giải thích. Trưởng giả: Nay cần lược giải. Trong Bản địa xưa nói Như Lai Kim Túc là pháp thân của trưởng giả. Như kinh Pháp Hoa nói Đại Phú trưởng giả tức là Như Lai, là nói về tích của ngài địa vị ở Pháp vân hoặc Đẳng giác, so với Phật là Bồ-tát, còn so với các địa thấp thì ông là Phật Đẳng giác.

Nghĩa trưởng giả tóm tắt có bốn thứ:

1. Ngoài đủ mười đức gọi là thế gian trưởng giả.
2. Trong hợp mười đức pháp thân gọi là xuất thế trưởng giả.
3. Xét theo quán tâm đủ mười đức.
4. Giải thích văn.

* Ngoài đủ mười đức:

1. Cao quý sang trọng.
2. Vị cao.
3. Giàu to.
4. Quyền thế.
5. Trí sâu.
6. Tuổi cao.
7. Không lầm lỗi.
8. Lễ đầy đủ.
9. Trên khen.
10. Dưới quy phục.

Đủ mười đức này thế gian gọi là đại trưởng giả. Vì sao? Vì trong

nước gọi những người đáng kính là trưởng giả thì ắt phải là quý tộc. Tuy là quý tộc, nhưng tước vị thấp kém thì không đáng trọng vọng. Tuy có chức cao, nhưng nghèo không thể ban phát nên đời không trọng. Tuy có nhiều cửa, nhưng không được vua yêu quý, không có quyền thế nên không được người kính sợ. Dù có quyền thế lớn, nhưng ngu si bất tài thì người trí khinh khi. Tuy thần trí sáng suốt, nhưng trẻ tuổi nên người không trọng vọng. Dầu tuổi cao trí sáng, nhưng thiếu đạo đức tư cách thì ai cũng ghê tởm. Tuy có tài đức, nhưng thiếu lễ nghi ắt không được yêu chuộng. Dù giao thiệp rộng, nhưng không được người trên yêu vì danh tiếng không bay xa. Tuy giàu sang cao vịnh, nhưng không ân tuệ ban phát ắt không được tôn kính. Nếu đủ mười đức trên thì gọi là đại trưởng giả.

* Trong hợp mười đức pháp thân. Ngài Tịnh Danh hiện tích làm người ắt đủ mười đức ở đời, nên dân thành Tỳ-da-ly đã tôn ngài là đại trưởng giả. Song về bản địa thì các đức tuyệt diệu không thể kể hết, nói tóm lược là ngài trong đủ mười đức, tức là xuất thế pháp thân trưởng giả:

1. Từ khi mới phát tâm thường gặp Phật nghe pháp, chánh quán Trung đạo phát sinh lý tuệ tức là sinh trong chủng tánh Pháp vương.
2. Tích lũy nhiều công đức, chứng Vô sinh nhẫn.
3. Tài pháp muôn thiện đều đầy đủ.
4. Có mười Vô úy hàng ma chế phục ngoại đạo.
5. Hai trí quyền thật đều thông suốt.
6. Được gặp nhiều Phật, quán hành thuần thực.
7. Ba nghiệp tùy trí được ba thứ không lầm lỗi.
8. Đầy đủ oai nghi tới lui đều ích lợi.
9. Chư Phật riêng thọ ký thành thật khen ngợi.
10. Hàng Thích phạm quý kính kể quy tâm tôn sùng.

Đủ mười thứ này tức là đức pháp thân đầy đủ nên gọi là pháp thân trưởng giả. Thế nên thường giúp Đức Thích-ca hoằng khai pháp môn bất tư nghị mở sáng giáo nhân quả Tịnh độ.

* Xét theo tâm nói đủ mười đức:

1. Dòng họ sang quý; tức là chánh quán thuận giáo khế lý mà sinh trí, đó gọi là phát tâm sinh vào nhà Phật dòng dõi chân chánh.
2. Được Vô sinh nhẫn, là quán lý ba đế, ba hoặc không khởi, tức là tu Nhẫn vô sinh, tuy không phải là bậc Thượng địa, nhưng tâm quán hân cũng gọi là vô sinh. Nên kinh Pháp Hoa nói: “Nếu nói kinh này phải mặc áo Như Lai.” Áo Như Lai tức là tâm nhu hòa nhẫn nhục, nhẫn đây

là tịch diệt nhãn, đâu không được gọi là vô sinh, đây là ngôi vị cao.

3. Giàu lớn, tức là tâm chánh quán ba nghiệp thanh tịnh gồm cả ba đế, một tâm muôn hạnh, giàu có pháp tài.

4. Quyền thế, là chánh quán mà hàng phục được các ngoại ma di kiến.

5. Trí sâu, tức quán Trung đạo làm thật, song chiếu làm quyền, hai trí đều đầy đủ.

6. Tuổi cao, là gieo trồng thiện căn lâu đời mới tu được quán này.

7. Không lầm lỗi, tức chánh quán tâm tánh ba nghiệp không lầm lỗi.

8. Lễ đủ, tức tới lui đều là đạo tràng cho đến mặc Tăng-già-lê cũng đều nhất tâm.

9. Bậc thượng nhân khen ngợi, là người quán hành thường được chư Phật mười phương khen ngợi. Nên kinh Pháp Hoa có nói: Người thường trì kinh ấy chư Phật đều hoan hỷ, hiện vô lượng thần lực mà khen người trì kinh tốt.

10. Được người kính trọng, kinh Pháp Hoa nói: Người trì kinh thì Thiên long bát bộ đều đến cung kính cúng dường người ấy. Nên biết người quán hạnh đầy đủ đức như ngài Tịnh Danh đồng hàng với Đại sĩ là Phật chân thật tử. Nên kinh Pháp Hoa có nói: Phật tử trụ vào địa ấy tức Phật thọ dụng. Thường ở trong đó mà kinh hành ngôi nằm còn đồng với thọ dụng của trưởng giả đâu không được gọi là trưởng giả tử.

Từ “đã từng cúng dường” trở xuống là chính thức khen đức, tức là mười đoạn, giải thích mười đức không nhiều không ít. Cúng dường chư Phật, hai câu này khen “Đệ nhất chủng tánh chân chánh.” Như thế gian trưởng giả có dòng họ cao quý. Nay ngài Tịnh Danh gặp Phật đã nhiều nghe pháp cũng rộng ắt đúng theo điều nghe mà làm, thâm quán thật tướng, nếu phát sinh lý tuệ tức là từ miệng Phật mà sinh, từ pháp hóa độ mà sinh, mà được phần Phật pháp. Lý ba tuệ hiển sáng bảm tánh tướng quan gọi là Phật chân thật tử, đó là sinh vào nhà Phật dòng dõi chân chánh. “Trồng sâu các gốc lành”, giải thích là gieo trồng, quán cái không rốt ráo, là gieo giống đại trí. Trí là gốc của hạnh, từ giải mà sinh hạnh, đầy đủ muôn đức. Nên Đại Phẩm có nói: Các pháp tuy không, mà một tâm đầy đủ muôn hạnh, tức là pháp thân, mới sinh ra đã đầy đủ các đức.

Được Vô sinh nhãn, một câu này khen đức thứ hai là pháp thân vị cao, như thế trưởng giả vị cao, điều này rất rõ ràng. Bậc Sơ trụ của Viên

giáo, một địa cũng đầy đủ công đức các địa, nghĩa này cũng thông. Nay ngài Tịnh Danh có người gọi là Kim Túc Như Lai đã được Thượng phẩm tịch diệt nhãn, hoặc gọi là vị ở Đẳng giác được Trung phẩm tịch diệt nhãn, hoặc gọi là vị ở Pháp vân được Hạ phẩm tịch diệt nhãn. Nếu được trung và hạ, vô minh đã đoạn, chỉ vì các tập vi tế tập nên không thể lôi kéo sinh ra, gọi là Vô sinh nhãn, tức là vị cao. Sở dĩ không được gọi Tịch diệt nhãn là vì nhường Phật, chỉ nói là Vô sinh nhãn.

Từ “Biện tài... đến “Tổng trì”, ba câu này là khen đức của thứ ba, khen công đức ba nghiệp. Đức của pháp thân, có bốn biện pháp tài cũng lại vô lượng. Cũng như thế trưởng giả giàu to. Biện tài là khẩu vô ngại biện, luôn nhiếp tất cả pháp tài công đức của khẩu nghiệp. Du hí thần thông tức là thân nghiệp, luôn nhiếp tất cả công đức của thân nghiệp. Đến các Tổng trì tức là các Đà-la-ni Tổng trì “nhiếp) tất cả công đức của ý nghiệp và tất cả pháp tài công đức khác.

“Được Vô sở úy, hàng phục lao oán”: Hai câu này là khen đức thứ tư: Dụng ngoại đạo không khiếp sợ, như thế trưởng giả có oai thế. Vì sao? Vì mười lực Vô úy “Hàng ma chế phục ngoại đạo.” Ma tức là bốn ma, tám ma, mười ma như đã nói trên. Lao oán, tức ma có sức trăn lao “phiền não) hay hại mẹ trí độ cha thiện quyền, các người thân thiện pháp của Bồ-tát nên gọi là lao oán.

Từ “Vào sâu”... đến “lợi độn” tám câu này khen đức thứ năm về hai trí, như thế trưởng giả có trí sâu. Bốn câu trước là chánh khen, bốn câu sau là giải thích khen. Thâm nhập vào pháp môn tức khen về thật trí thật tướng sâu sắc của pháp môn bất nhị chỉ có Phật mới rốt ráo tận cùng, nên gọi là thâm pháp. Khéo léo với trí độ tức là đến bờ kia mà khen thật trí.

“Thông suốt phương tiện, đại nguyện thành tựu”, hai câu này khen quyền trí. Quyền trí khéo léo có thể thành tựu đại nguyện. Đại nguyện thành tựu thì dụng phương tiện mới thành.

“Hiểu biết chỗ đến của tâm chúng sinh, hai câu này giải thích khen thật trí. Tất cả chúng sinh đều có Phật tánh, phàm có tâm thì đều được Bồ-đề, như các dòng nước đều chảy vào biển. “Lại thường phân biệt các căn lợi độn, hai câu này giải thích khen quyền trí. Căn chúng sinh có lợi độn không đồng, mà hay khéo léo độn cơ khiến họ được giải ngộ, tức là phương tiện.

Từ “Đã lâu “đến’ Đại thừa”, ba câu này là khen đức thứ sáu tu hành đã lâu thấy lý rõ ràng, như thế trưởng giả tuổi già thấy lâu. Nên kinh Pháp Hoa nói: “Văn-thù đã từng lâu xa gặp chư Phật tu học nhiều

kiếp.” Đây cũng thế, nên nói thuần thực. Quyết định là Đại thừa tức thấy lý rõ ràng hay Sư tử hống. Sư tử hống là nói các chúng sinh đều có Phật tánh. Phật tánh, Đại kinh nói là Đại thừa.

“Các việc ra làm đều khéo suy lường”, hai câu này khen đức thứ bảy là ba nghiệp làm theo trí tuệ được ba thứ không lầm lỗi như thế trưởng giả trong không lầm lỗi. Vì sao. Vì tất cả việc làm đều do ba nghiệp hay khéo suy lường. Nếu nói trước trí sau lỗi thì không thể truy xét. Nay nói trước dùng trí sau làm là Không lỗi lầm sai sót, tức ba nghiệp tùy trí tuệ mà làm thì được ba thứ không lầm lỗi.

“Trụ vào oai nghi Phật, tâm như biển khơi”, hai câu này là khen đức thứ tám nói về hai thứ thân và tâm. Thân thì đi dùng đều đúng pháp, tâm thì bao gồm không ngăn cách, như thế trưởng giả lễ nghi đầy đủ có hoài bảo của bậc Đại nhân. Lại trụ vào oai nghi Phật như Thập địa Bồ-tát học cách tối lui quay nhìn... của bậc Tượng vương, đứng ngồi vận động đều là Phật sự, có người nói là đầy đủ tướng tốt của Phật. Nay nói có thể như định không khởi diệt của Phật mà hiệp các oai nghi khắp lợi ích cho tất cả. Tâm lớn như biển cả, như Đại kinh nói biển có tám thứ bất tư nghị, Phật pháp cũng thế, đầy đủ như kinh ấy nói. Nay nói Bồ-tát dùng Vô duyên đại từ bao dung tất cả tâm không chấp tướng, thế nên không tăng. Tuy quán các pháp rất ráo không tịch nhưng không bỏ chúng sinh nên không giảm. Cũng như biển cả các dòng chảy vào mà không tăng, đóng băng bốc hơi chưng nấu mà không giảm, nên nói tâm lớn như biển cả.

“Chư Phật ca tụng”, một câu này khen đức thứ chín, nói chư Phật ngợi khen. Như thế trưởng giả được Thiên vương trên khen ngợi Đại sĩ đã đủ các đức lại xứng duyên với mọi người nên được chư Phật ca tụng.

“Đệ tử Thích phạm vua chúa đều kính”, hai câu này là khen đức thứ mười của Đại sĩ, trong thì đức đầy đủ, ngoài là bậc Thầy phép tắc, ân tuệ sâu xa, nên được kính mến, như thế trưởng giả được dân tôn quý.. Đệ tử là chỉ cho các Thanh văn Thích phạm vua thế gian tức là chủ các cõi Sắc và cõi Dục, vua chúa đã quy tâm thì quan dân đều kính quý.

Từ “muốn độ...” trở xuống là phần nói ích lợi của thân phương tiện. Có ba phần:

Một, Nêu chỗ ở làm lợi ích vật.

Hai, Chánh nói ích vật.

Ba. Kết thành phương tiện.

1. Nêu chỗ ở Đại Sĩ sắp muốn giúp Phật hoàng truyền đại đạo

phương tiện độ thoát chúng sinh, nên đến ở nước Quảng Nghiêm tức lý do có phẩm này.

2. Từ “Tự tài...” Nói về sự lợi ích vật có ba phần:

- a. Sáu câu đầu nói về tâm mật.
- b. Từ “tuy là...” chín câu nói về thân mật.
- c. Từ “tất cả...” hai mươi câu, nói về khẩu mật.

Sáu câu đầu căn cứ theo lục độ nhiếp vật, đây là từ bốn thù tích.

Trở xuống hai mươi chín câu, đều là hiện tích đồng với phạm tục.

Hỏi: Vì sao tâm mật là thù tích, còn thân khẩu là hiển bốn?

Đáp: Thân tâm lục độ lý rất sâu kín. Dùng phương tiện giáo hóa tùy cơ bày việc thân khẩu khi dùng đến đều hợp phong tục, phải tìm kiếm đầu mối mới biết được cái biểu thị cho bốn. Nay trước từ bốn mà thù tích, lợi vật mà hiển bốn, đều căn cứ theo Lục độ. Lục độ tức Ba-la-mật đầy đủ khắp thân. Ba thân ba đức không dọc không ngang như chữ nhất ở đời. Vì tiền của vô lượng nhiếp giữ các dân nghèo. Xưa phần nhiều giải thích: Tiền của chỉ là tiền của vải lụa, dân nghèo chỉ là người nghèo thế gian. Nếu thế thì việc hành thí ở thế tục đâu có gì khác, đâu đủ để khen ngài Tịnh Danh thù tích khéo léo nhiếp vật, lại sinh đến bốn cõi nước. Nay giải thích tiền của là có sự và lý. Sự thì dễ hiểu. Còn lý tức là tiền của về chân Lý thiện pháp. Nên Văn kinh nói: Pháp vương có pháp lực vượt quần sinh, thường dùng pháp tài thí cho tất cả, dùng pháp tài của bốn giáo mà thí cho tất cả, tức là đàn độ đầy đủ khắp pháp giới, nên nói là vô lượng. Về nhiếp giữ dân nghèo, không phải chỉ là dân nghèo thế gian. Nhân tiền của mà gồm thâu, dùng đạo mà dạy dỗ sai khiến. Nay nói dân nghèo là bảy thứ phương tiện đều là dân nghèo, nên biết đều là phương tiện mật ngữ của Như Lai. Nếu là loại dân nghèo phạm phu thấp kém nhất thì dùng tiền của thế gian hoặc dùng giới luật thiện pháp để nhiếp hộ họ. Nếu là hàng Nhị thừa cùng tử ấu trĩ bỏ cha để tìm cơm áo, thì dùng loại tiền của có giá trị trong một ngày như cơm rau dưa muối của Tam tạng giáo Tứ đế sinh diệt mà nhiếp hộ họ. Hàng Nhị thừa dù giàu có nhưng sánh với Bồ-tát thì cũng còn nghèo thiếu pháp tài. Cho nên kinh Pháp Hoa nói: “tự nghĩ mình nghèo túng không hề có vật này.” Bồ-tát tuy có công đức trong ba a-tăng-kỳ là vô lượng nhưng chỉ sánh với Thanh văn là giàu có. Đó là Bồ-tát của Thông giáo cũng còn nghèo túng, dầu đã có pháp tài là thông suốt đế lý vô sinh và các cõi nhưng sánh với Bồ-tát Biệt giáo thì vẫn là nghèo. Bồ-tát Biệt giáo trái tu vô lượng đế lý, có “vô lượng pháp” tài Ba-la-mật tự cho là giàu, nhưng sánh với Bồ-tát của Viên giáo thì vẫn

là nghèo. Bồ-tát Viên giáo có các pháp tài đầy đủ về ba đế, vô tác đế lý, các Ba-la-mật... cả kho báu Kim cang không chút thiếu sót mới gọi là giàu. Cho nên ông Thuần Đà tự than là mình còn nghèo thiếu thứ tiền của vô thượng pháp, nếu được vô tác mới thật là tiền của vô thượng. Đại sĩ pháp thân trụ ở đàn thí viên mãn, không phải keo kiệt không phải bố thí, hay đem tiền của bốn giáo pháp thí, bố thí có bảy thứ dân nghèo. Cho đến Viên giáo thiện căn chưa phát cũng là dân nghèo, như ông Thuần Đà kia vậy. Dùng bốn thứ pháp tài nhiếp hộ chúng sinh khiến họ sinh về bốn cõi nước. Đây là thù tích dẫn mọi người về bốn vậy. Lại căn cứ bốn thứ pháp thí: Đốn, tiệm, bất định, bí mật mà nhiếp hộ chúng sinh, giúp thành Bồ-tát hạnh, khiến họ sinh về Tịnh độ.

Ngài Tịnh Danh giúp Phật thành tựu việc bố thí là nhiếp hộ chúng sinh sinh về cõi nước ấy. Cho nên biết việc nói này là giúp thành phẩm trước. Phật nói bố thí là Tịnh độ của Bồ-tát, tất cả chúng sinh hay xả bỏ đến sinh vào cõi nước ấy, đâu có thể không dùng Phật quốc làm gốc.

Nếu xét theo quán tâm, thì nay bốn chúng này ai có thể trụ vào một tâm ba quán không thấy có keo kiệt và bố thí mà từ bi lợi vật, cứu giúp kẻ nghèo thiếu, tu phước cúng dường, tùy hỷ khen thưởng giúp thành, như ông trưởng giả lập đàn thí trong một thôn ấp, nhân thí mà thuyết pháp, đám người nhận của thí cảm mến ân đức mà quy tâm, nghe sự dạy dỗ dần dần bỏ tham tiếc và bắt chước theo thí chủ mà bỏ tiền của tu phước. Hoặc được khiến trụ mãi vào tâm chánh quán mà tài thí pháp thí, như là nhiếp hộ một người dân nghèo quy tâm nghe dạy mà tâm tham tiếc tự dứt lại thường bố thí... cho đến hàng Thiên vương vua chúa trụ ở tâm chánh quán, không thấy có tham tiếc và bố thí, từ ái ban phát cho dân nghèo, nhân đó nói Tứ giáo pháp môn. Bốn chúng mang ân quy tâm, thọ giáo được đạo, cũng luôn hành thí cho mọi người. Ví như một ngọn đèn môi thắp cả ngàn ngọn đèn, chỗ tối đều sáng, sáng mãi không dứt. Ấy là bốn chúng vua chúa trưởng giả trụ vào đèn pháp môn Bố thí vô tận đặng mà nhiếp hộ chúng sinh và cũng nhiếp hộ cho tất cả bà con ở vị lai đều sinh về Tịnh độ, gặp Phật nghe kinh, chánh tuệ khai phát, và các thí chủ đó đều được Vô sinh nhẫn, ở cõi nước có duyên mà thị hiện thành chánh giác. Những kẻ được nhiếp hộ do việc bố thí xưa đều cùng đến cõi nước ấy tu đạo Tam thừa, nếu nghe kinh Pháp Hoa thì đồng vào Phật thừa. Đây tức là ngài Tịnh Danh Đại sĩ ở đâu cũng đổi ra thành Tỳ-da-ly cả.

Giữ giới thanh tịnh nhiếp hộ những kẻ hủy bỏ giới cấm. Pháp thân Tịnh Danh trụ vào thân chẳng trì chẳng phạm ba đức Thi-la đầy đủ, mà

thường dùng phương tiện mười thứ giới nhiếp hộ những kẻ hủy giới. Trước là dùng thập thiện, ngũ giới để nhiếp hộ hàng trời, người, sau dùng luật nghi nhiếp hộ, không cho kẻ phá giới hủy phạm... Rồi dùng các chánh ngữ, nghiệp, mạng sinh và vô sinh để nhiếp giữ kẻ hủy phạm, tùy đạo mà không đả nhiễm, rồi dùng ba thứ chánh nhiếp hộ Vô lượng mà được các Thánh khen ngợi tự tại, kể đến dùng ba thứ chánh nhiếp hộ vô tác đầy đủ tùy định. Các người khác chưa được chẳng trì chẳng phạm đều gọi là hủy. Cho nên Đại kinh có nói: Chỉ có Phật là người duy nhất đầy đủ tịnh giới, còn các người khác đều gọi là ô giới. Các chúng sinh đã nhờ giới nhiếp hộ, vì không hủy cấm giới mà thành hạnh Bồ-tát, tùy tu giới thiện. Khi ngài Tịnh Danh thành Phật thì các chúng sinh giới thiện được nhiếp hộ sẽ đều ở quốc độ của ngài. Văn trên nói trì giới là Tịnh độ của Bồ-tát, khi Bồ-tát thành Phật các chúng sinh trì giới sẽ đến ở quốc độ của ngài.

Nay xét về quán tâm, thì các đệ tử Phật, bốn chúng sinh thường tu một tâm ba quán, trụ ở tâm quán này không thấy có trì và phạm, từ bi lợi vật nghiêm trì cấm giới. Do trì giới có đức mà được người quy phục, nhân đó chỉ bày cho các pháp môn. Nếu là trưởng giả thường khiến các quan châu vua chúa hay trì trai giới, thì một làng, một huyện, một châu, một nước... các thần dân bốn chúng tự nhiên sẽ dứt ác mà tu giới thiện. Ấy là Không nói mà hóa độ, dùng bốn nhân Tịnh độ mà tu bốn giáo đạo, tự trụ vào đèn pháp môn Thi-la Vô tận để nhiếp hộ các chúng sinh. Và các chúng sinh được nhiếp hộ sẽ là quyến thuộc ở vị lai. Các việc khác đều như việc bố thí nói trên. Về bốn cõi sau “nhẫn nhục, thiền định...” xét về theo quán tâm thì căn cứ sau đây mà biết.

Dùng nhẫn điều hành nhiếp hộ các khuể nộ. Ngài Tịnh Danh trụ vào thân phi khuể phi nhẫn ba đức Sẵn-đề đầy đủ, luôn thị hiện trụ ở phục thuận vô sinh tịch diệt, phương tiện điều phục bốn thứ chúng sinh khuể nộ đều lìa bỏ sân khuể thành Bồ-tát hạnh. Ngài Tịnh Danh khi thành Phật, những chúng sinh do nhẫn nhục nhiếp hộ sẽ đến sinh ở cõi nước ấy giúp thành Phật quốc. Các nghĩa khác chuẩn theo trước.

Dùng đại tinh tấn nhiếp hộ các giải đãi. Tịnh Danh với pháp thân trụ vào thân chẳng tinh tấn chẳng giải đãi dùng đầy đủ, tám thứ tinh tấn của bốn đạo phẩm để nhiếp hộ bốn giải đãi, chúng sinh đến ở nước ấy các nghĩa đều như trước.

Nhất tâm thiền tịch nhiếp hộ các loạn ý: Tịnh Danh với pháp thân trụ vào thân chẳng định chẳng loạn, ba đức đầy đủ, thường khéo phương tiện, dùng tám thứ thiền định của bốn đạo phẩm để nhiếp hộ bốn thứ

loạn ý, khiến mỗi người đều được tám thứ thiền và các thứ thiền định, thành Bồ-tát hạnh, cùng sinh đến Tịnh độ đủ như phẩm Phật Quốc đã nói.

Dùng quyết định tuệ nhiếp hộ các vô trí. Pháp thân Tịnh Danh trụ vào thân chẳng ngu chẳng trí rốt ráo Bát-nhã ba đức đầy đủ, luôn giải phân biệt các pháp tướng ở Đệ nhất nghĩa mà không động, dùng tám thứ tuệ quyết định của bốn đạo phẩm mà nhiếp hộ bốn thứ chúng sinh vô trí, đầy đủ như trong phẩm Phật Quốc đã nói. Thế nên Bồ-tát từ pháp thân bốn địa sáu Ba-la-mật chân thật mà khởi phương tiện tích, thị hiện làm lục độ để nhiếp hộ chúng sinh, tức là thành tựu chúng sinh, cõi Phật thanh tịnh, khiến họ trở về bốn địa, đồng thời giúp thành việc Phật nói giáo giải thoát Tịnh độ bất tư nghị.

Chín việc sau đây, tuy là “không nói” mà hóa độ tức là thân mật. Làm phi đạo mà thông suốt Phật đạo để phương tiện lợi vật. Trước nói tuy làm bạch y tức thù tích mà tu hạnh Sa-môn để dẫn họ về bốn. Sa-môn cũng gọi là vô trước, cũng gọi là cần hành. Trong Đại kinh nói: Như Lai là đại Sa-môn tức thị hiện Sa-môn ở bốn giáo vậy. Luật là nói lượng nặng nhẹ, nói lượng tội cấu nặng nhẹ ở cả bốn giáo đều cốt dẫn mọi người trở về gốc Tịch quang. Đây nói về “không nói mà hóa độ, tức là ngầm chê hàng xuất gia, ngầm khuyên hàng tại gia. Nói về ngầm chê: Trong Đại kinh nói: “Tuy đã nhuộm y mà tâm vẫn chưa nhuộm”, là chưa nhuộm pháp Đại thừa của bốn giáo, thì tuy là Sa-môn vẫn gọi là bạch y. Về ngầm khuyên: Đâu cần phải nhuộm áo, chỉ khuyên nhuộm tâm lập hạnh Sa-môn, tức là nhân Tịnh độ bất tư nghị, há không phải Không nói mà hóa độ thành giáo Tịnh độ ư? Ngài Tịnh Danh sau khi thành Phật nhiếp hóa chúng sinh sinh về quốc độ ngài, đều là phương tiện giúp thành Phật quốc, nghĩa đã rõ ràng. Nhưng phẩm Phật Quốc nói: Phương tiện là Tịnh độ của Bồ-tát. Khi Bồ-tát thành Phật chúng sinh đầy đủ phương tiện đến sinh vào nước ấy, chính là nêu tên mà thôi. Nay ngài Tịnh Danh giả bệnh mà hưng giáo, khen đức ngài đầy đủ thì có hai mươi chín việc. Nêu vấn đề khen phương tiện của ngài Tịnh Danh nên biết phương tiện là vô lượng. Nghĩa phương tiện của phẩm Phật Quốc khi đọc sẽ thấy rõ.

Căn cứ ở quán tâm. Đang là bạch y tín sĩ, nếu trưởng giả khuyên được các quan châu vua chúa... có thể đoạn ác tu thiện, một tâm ba quán không đắm nhiễm các dục, quán hạnh minh tịnh... tức là tuy làm bạch y mà trì hạnh Sa-môn. Từ đây trở đi tám câu thì nửa phần trên là thù tích, nửa phần dưới là về bốn.

“Tuy ở nhà mà không đắm mê ba cõi còn tránh bỏ nhạc trời, hưởng là chọn ở nhân gian”, đây là dẫn bốn thứ chúng sinh khiến họ lìa tam giới đến sinh ở bốn cõi. Ba cõi có hai thứ: Khai và hợp với bốn cõi nước xét kỹ sẽ biết. Đây và các câu nêu việc cần phải quán tâm, không muốn dài dòng, xem phần trước sẽ biết.

“Thị hiện có vợ con thường tu Phạm hạnh, trong tu bốn thứ Phạm hạnh, lìa bỏ bốn ái trước”, cũng là ngậm chê xuất gia, ngậm khuyên tại gia, khiến người có hạnh bất tư nghị thành nhân bốn cõi.

Thị hiện có quyến thuộc thường ưa xa lìa, làm bốn thứ xa lìa khiến chúng sinh xa lìa bốn phược, nhập vào nhân bất tư nghị sinh đến bốn cõi nước. Tuy mặc áo đẹp để trang nghiêm thân tướng hảo, thường dùng bốn nhẫn mà tu các tướng hảo nhưng, trang nghiêm pháp thân dẫn chúng sinh vào bốn Tịnh độ. Tuy vẫn ăn uống mà dùng thiền duyệt làm mùi vị; dùng tám thứ thiền duyệt của bốn thứ đạo phẩm khiến thành tựu được diệu nhân dẫn nhập vào bốn cõi nước. Nếu đến chỗ cờ bạc thì nhanh chóng độ người. Nhanh chóng độ người là hóa độ khiến họ được công xuất thế không đắm nhiễm vào vô ký, trạo cử, tán loạn tan mất cách luống uống. Ở mỗi người tùy căn tánh mà tìm đến bốn thứ thật lợi xuất thế gọi là độ người. Khiến nhập vào Giải thoát bất tư nghị đặt ở bốn cõi. Nói nhanh chóng là cơ khởi liền hóa độ không đợi thưa hỏi. Học các đạo khác không bỏ chánh tín là học các dị đạo, là muốn chiết phục người nên không bỏ. Chánh tín, tức lòng tin bên trong không tổn thất dùng chánh pháp mà độ thoát. Kinh Đại Tập nói: Phú-lâu-na tuy hóa độ ngoại đạo lại bị chê trách. Ngài Văn-thù hiện đồng ngoại đạo mà đến hóa độ. Vì các ngoại đạo ở quá khứ cũng từng gặp Phật nghe pháp. Bên trong đã có sẵn căn lành thì phó cơ mà dẫn nhập vào hạnh bất tư nghị khiến thành nhân bốn cõi, tuy nói luật thế tục mà thường ưa vui Phật pháp. Sách luật phương này chính là Ngũ kinh... Sách ở Tây độ tức là bốn thứ Phê-đà mười tám đại kinh, thuốc tiên, chú thuật... thường ưa Phật pháp, tức là thường ưa bốn giáo nói về Phật pháp. Dẫn dắt khiến họ nhập vào Giải thoát bất tư nghị ở bốn cõi Phật. Nhưng chỉ có pháp thân bốn địa, ba đức bí mật mà hay huân tu các nghiệp, bỏ chất độc vào sữa, phương tiện dẫn dắt mọi người cùng về bốn cõi nhập vào pháp môn Bất tư nghị.

Từ Tất cả...” trở xuống là hai mươi câu nói khẩu mật phương tiện, do tiếng nói pháp làm lợi ích, cũng là thù tích mà dẫn mọi người quy bốn.

Tất cả thấy đều kính trọng, có hai nghĩa:

1. Nói ngài Tịnh Danh quán tất cả chúng sinh tức tướng Bồ-đề, tức Đại Niết-bàn, thế nên đều kính trọng.

2. Nói Đại sĩ làm hóa chủ gặp mọi người thì đều ban ân huệ, phàm ai thiếu sót đều thấm nhuần, đều mến mộ ân đức, thế nên tất cả đều cung kính cúng dường.

Lại đó là phước điền trên hết, bậc A-la-hán Vô học còn được ứng cúng, huống là ngài Tịnh Danh phương tiện thuyết pháp giáo hóa cho mọi người đều quy bốn! Một câu này thông suốt cả mười chín câu kia. Bởi vì sao, bởi phương tiện lập giáo nếu mọi người không kính trọng thì việc hóa đạo đâu được rộng khắp, giữ gìn chánh pháp nhiếp hộ cả lớn bé. Ở ngoại quốc lập ra người có đức cho là tam lão giữ gìn phép nước, đây là thù tích vậy.

Nói lớn bé thì đâu phải chỉ người mới có lớn bé mà tất cả thiện căn cũng có to nhỏ nên nói là lớn bé. Lớn bé tuy khác, nhưng luận về thiện căn thì không ngoài bốn giáo, liền ứng hợp bốn căn cơ mà nhiếp hộ về bốn cõi.

Tất cả trị sinh hài ngẫu “người nói pháp và người nghe”, tuy được nhiều lợi ích thế tục nhưng không vui mừng, xứng ý là hài “) được lợi là ngẫu ““. Hiện tích đồng phạm tục tìm cầu lợi ích cao quý hơn đời nên không lấy làm mừng, là vì dẫn mọi người về bốn nên không vui mừng. Phạm phu có ái tâm thì mừng vui vì các kiết hoặc che lấp bốn thiện căn. Đại sĩ dẫn chúng có tình không đắm trước, vì tình đắm trước thường phá bốn thiện căn, Bồ-tát nhiếp hộ cho sinh về được bốn cõi nước. Lại nữa, Bồ-tát chứng được bốn công đức ba thứ quyền là tục đế, tu ba pháp này để phát sinh định tuệ gọi là được lợi thế tục, vì người mà nói. Đây gọi là trị sinh, người nghe được lợi, gọi là hài ngẫu. Bồ-tát thường làm hành xả gọi là Không vui mừng. Đạo chơi ở bốn đường nhiều ích chúng sinh là hiện tích đồng kẻ phạm phu mà đạo chơi ở bốn đường thông suốt, biểu thị cho Tứ đế. Dùng bốn loại tứ đế mà ích lợi bốn thứ chúng sinh dẫn dắt họ vào bốn cõi. Vì trị chánh pháp cứu hộ tất cả tích, đồng kẻ phạm tục mà dùng lễ nghi hình phạt. Phạm người chấp pháp phần nhiều đều có cong vạy vướng trệ. Bồ-tát làm chánh trị, vì cứu hộ chúng sinh mà bày ra hoặc dẹp bỏ. Nhân đó dùng bốn giáo cứu độ để dẫn nhập vào bốn thứ Tịnh độ. Không phải là bỏ đạo, đến nỗi cầm quyền cai trị nhầm lẫn. Vào chỗ giảng luận thì dùng tích Đại thừa. Vào chỗ phạm tiểu thì dùng phương tiện về ứng xử và nói bốn giáo Đại thừa mà dẫn nhập vào bốn cõi. Vào nơi học đường thì dạy dỗ kẻ tối tăm thơ dại. Bốn thứ thiện căn nhỏ nhất là vô minh hoặc chướng. Xuất thế giải thế chưa mở nên gọi là

kẻ tối tâm thơ đại. Dùng bốn giáo tiếp dẫn phá các hoặc chướng khai mở bốn thiện căn khiến tăng trưởng, để thành tựu việc sinh đến bốn cõi nước. Vào các nhà bán dâm thì chỉ bày lỗi lầm của dục nghĩa là vào nhà bán dâm nói cho họ biết chín lỗ thường tiết ra chất bất tịnh khiến họ biết lỗi về dâm dục. Nếu dục tâm dứt thì bốn thiện căn phát sinh. Nếu tham đắm bốn pháp cũng gọi là dâm. Biết lỗi tham ái mà không đắm nhiễm, dùng tịnh tâm mà vào bốn cõi bất tư nghị. Cho nên vẫn nói rằng: “Trước dùng móc dục kéo ra, sau khiến cho vào Phật trí.”, “Vào nhà bán rượu hiện tích lập chí, vào quán rượu có ba mươi sáu lỗ.” Phàm người uống rượu thì thần trí tối tăm loạn đạo, chí cả suy sụp, Đại sĩ vào đó thị hiện là người lập chí khiến người cùng lập, tạo nhân không lui sụt để dẫn nhập vào bốn cõi. Lại còn, rượu là cửa hàng bán phiền não. Tức là năm ấm phàm phu uống rượu phiền não, hàng Nhị thừa uống rượu tướng không vô chưa ói được. Cho nên đối Phật tánh mà sinh tướng vô thường. Nên Đại kinh nói: Cầm bình Không Tam-muội mà uống rượu say rượu Vô tướng Bát-nhã. Thông giáo đồng với hàng Nhị thừa, còn biệt giáo thấy trung, chưa dứt được cái say của rượu vô minh. Bồ-tát tuy vào các phiền não để làm Phật sự, uống cạn ba ngàn chung mà vẫn không hôn loạn nên nói là thường lập chí.

Nếu ở trong hàng trưởng giả hoặc là hàng trưởng giả cao quý, thì vì họ nói pháp cao quý.” Đây là khen đức cao quý của ngài Tịnh Danh, dùng khẩu mật phương tiện mà lợi ích chúng sinh. Khắp nơi Đại sĩ đều hiện có tôn quý và thấp hèn. Nay riêng nêu việc tôn quý để thành việc khen đức, cho nên đức là khuôn phép cho mọi người và ở trên quần hiền.

Nói là bậc tôn quý trong hàng trưởng giả, tức là bậc trưởng giả thế gian hơn cả bạn bè người làng nên tự cho là quý. Đại sĩ hiện tích hơn các bậc đồng đức nên được họ tôn quý, trước nói pháp thế tục cao quý đều khiến cho kính phục, rồi ứng hợp bốn cơ mà nói bốn thắng pháp. Khi đã tôn quý rồi thì mọi việc đều thuận theo mà dẫn nhập vào bốn cõi.

Nếu ở trong hàng cư sĩ hoặc là hàng cư sĩ cao quý, đoạn cho họ các tham trước. Ở ngoại quốc nếu tài sản khoảng một ức thì gọi là cư sĩ hạng thấp, cho đến một trăm ức thì gọi là cư sĩ hạng cao. Ở nước ta gọi người có đức độ cao là cư sĩ. Nay gọi người nhiều tiền của là cư sĩ, nên thường lấy tài sản làm chuẩn. Ngài Tịnh Danh hiện tích là bậc Thắng đức tiền của vô lượng, bố thí vô cùng nên được mọi người tôn quý, nhân tùy căn cơ mà nói bốn pháp thí khiến họ lìa bỏ tham trước dẫn họ vào

Tịnh độ.

Nếu ở trong hàng Sát-đế-lợi hoặc là hàng Sát- lợi cao quý thì dạy họ về nhẫn nhục. Sát-lợi, Hán dịch là Vương chủng tức là Đại điền chủ. Ngài Tịnh Danh hiện tích từ nhẫn cao quý nên được tôn quý. Dạy họ nhẫn nhục, vì hàng Sát-lợi tự tại nhiều uy quyền nên dạy họ nhẫn nhục. Dựa vào bốn căn tánh của bốn giáo mà ứng nói các từ nhẫn.

Nếu ở trong hàng Bà-la-môn hoặc là hàng Bà-la-môn cao quý thì dạy họ về xả thân. Bà-la-môn, Hán dịch là Ngoại ý, đời đời nối nhau, là hạng tài cao của ngoại học. Lại gọi là tịnh hạnh. Ngài Tịnh Danh hiện tích làm ngoại đạo siêu tuyệt không ai sánh bằng nên được họ tôn quý. Các Bà-la-môn tự ý mình Tịnh Hạnh, khinh khi người khác. Nếu thấy tịnh danh học sâu thắng pháp thì ngã mạn tự mất, rồi dựa vào bốn căn tánh dùng pháp bốn giáo, thích ứng mà nói để ai nấy đều là bỏ tâm ngã mạn.

Nếu ở trong hàng đại thần hoặc là hàng đại thần cao quý thì dạy họ dùng chánh pháp: vì đại thần trong nước ai cũng nắm quyền hành cai trị, nếu có người không sáng suốt thì Tịnh Danh hiện tích là người đồng liêu chỉ bày cho thông suốt nên được họ tôn quý. Dùng chánh pháp trị đạo dựa vào bốn căn tánh cho đến dẫn nhập vào bốn cõi.

Nếu ở trong hàng vương tử hoặc hàng tôn quý của hàng vương tử thì dạy họ về trung hiếu. Ngài Tịnh Danh hiện tích là người sáng suốt hiếu kính nên được họ tôn quý. Vương tử làm con và làm quan, nếu là con thì cần hiếu kính, nếu là quan thì cần trung chánh, dựa vào bốn căn tánh dùng bốn giáo mà nói bốn thứ đạo thành thật hiếu kính bèn thành con của bốn thứ Pháp vương, thuận theo bốn giáo hạnh gọi là hiếu, không tiếc thân mạng, rộng hoằng bốn giáo gọi là trung mà dẫn dắt chúng sinh khiến họ cùng vào bốn cõi.

Nếu ở trong hàng nội quan hoặc hàng nội quan cao quý thì dạy họ đứng đắn với cung nữ. Theo quốc pháp của ngoại quốc chọn người có đạo đức bầy đời không lang chạ cho làm nội quan, tin tưởng giao cho các việc trong cung coi là tâm bí. Ngài Tịnh Danh hiện tích là người cao thượng không lầm lỗi nên được họ tôn quý. Cung nữ bị hạn chế ngoại đạo nên sinh tà tưởng che lấp thiện căn. Đại sĩ liền ứng cơ nói bốn thứ tám Chánh đạo khiến họ được chánh kiến và dẫn nhập về bốn cõi.

Nếu ở trong hàng thứ dân hoặc là hàng thứ dân cao quý thì khiến họ tu phước lực. Thứ dân có phước báo ít ỏi, nghèo kém quê mùa mà hèn hạ không được hàng thượng lưu ưa chuộng. Đại sĩ thị hiện tuy ở bậc

cao mà thương khắp dân đen, thứ dân cảm ân đức nên càng quý kính ngài, ngài tùy căn tánh mà nói bốn giáo, do công đức bố thí sẽ sinh Tịnh độ được quả báo thù thắng.

Nếu ở trong hàng Phạm thiên hoặc trong hàng Phạm thiên cao quý thì dạy họ về thắng tuệ, mười tám Phạm thiên ở bốn thiên và bốn Vô lượng định phần nhiều sinh đấm trước, nên vào định không sâu. Ngài Tịnh Danh hiện tích quán luyện huân tu vào sâu không bờ bến, nên được các Phạm thiên quý kính, mà nói cho họ tịnh vô cấu thiền, khéo léo nhập xuất và trụ vào phương tiện thắng tuệ, rồi tùy căn tánh mà dẫn họ vào bốn cõi.

Nếu ở trong hàng Đế Thích hoặc hàng Đế Thích cao quý thì thị hiện vô thường. Đế Thích mê âm nhạc tự biết là đọa lạc. Ngài Tịnh Danh lia dục thanh cao nên được họ tôn kính, ngôi trời được trường tồn. Đại sĩ nói cho họ mười lăm quán môn vô thường như trong Đại phẩm Trí Độ đã nói. Và tùy căn tánh dùng bốn giáo phó duyên nói cho họ tướng vô thường cũng không đồng. Tam tạng giáo nói vô thường sinh diệt có tướng nhất định. Vô thường của Thông giáo đều như huyễn hóa. Về Biệt hướng đến thú vô thường chẳng qua dùng bốn thứ giáo dẫn nhập vào bốn cõi.

Nếu ở hàng Hộ thế hoặc ở trong hàng Hộ thế cao quý thì ủng hộ các chúng sinh. Trời Tứ Thiên vương ở trên bốn góc của nửa núi Tu-di, mỗi vị làm chúa hai bộ quỷ thần không cho họ làm hại nhân dân bốn châu. Tịnh Danh hiện ra đồng loại nhưng từ bi hộ vật hơn họ nên được họ quý kính, rồi tùy căn tánh mà nói pháp thích ứng khiến họ phát bốn thệ nguyện giữ gìn bốn thứ chúng sinh thiện căn, tu trí Tứ đế. Tức là bốn vua một đế, mỗi vị có hai bộ quỷ thần kiến tư, hộ trì khiến không ai nhiều hại. Số người thiện tâm tức là hộ trì chúng sinh, và đạu duyên nói bốn giáo khiến họ hộ trì bốn pháp Tứ đế mà sinh ra chánh pháp. Tất cả mọi sự việc nêu trên đều là ca tụng khen ngợi ngài tiếp dẫn chúng sinh đến sinh vào bốn cõi bất tư nghị. Nên biết những điều nói trên rất sâu xa.

2- Từ “trưởng giả...” đến “chúng sinh” là kết thành phương tiện. Ở thành Tỳ-da-ly chỉ có ngài Tịnh Danh dùng ba nghiệp thanh tịnh giúp bày Phật quốc là pháp biến khắp mười phương pháp giới đâu chỉ ba mươi lăm việc nêu trên.

Hỏi: Nay nói ngài được tôn kính là dùng một thân vào nhiều thân mà được tôn trọng hay phải thác sinh vào các nơi ấy mà được kính trọng?

Đáp: Đều có nghĩa này, suy việc hiện các thân như trong phẩm Phổ Môn nói. Nay chính là lấy việc giả bệnh để hưng giáo nên dùng một thân trưởng giả, hiện tích khéo léo tùy chỗ thị hiện đều được kính trọng, thừa cơ hoàng hóa đều được lợi ích. Nên biết pháp thân trưởng giả không có các nghiệp duyên chỉ thị hiện ra như thế thôi. Để nêu bằng chứng thân trưởng giả vốn không bệnh, vì chúng sinh nên giả bệnh mà truyền giáo nên trước kể các phương tiện để khen ngợi, do đây kết thành. Từ trên đều là từ bốn mà thù tích để hiển bốn phương tiện dùng tiếng và hình đều làm lợi ích.
